

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO CẠO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang	
2 - 3	BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
4 - 5	BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
6 - 7	BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
8	Bảng Cân đối kế toán tổng hợp
9	Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp
10 - 36	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp
	Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢO CAO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BN-TCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Văn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, nông sản. Ngày 04/01/2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Văn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là 1.422.939.000.000 đồng (Một nghìn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân

Thành viên

Ông Nguyễn Việt Cường

Thành viên

Ông Lê Anh Dũng

Thành viên

Ông Vũ Đức Trung

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hoàng

Trưởng Ban kiểm soát

Bà Đình Thị Hào

Thành viên

Ông Trần Văn Quỳnh

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Cường

Phó Tổng Giám đốc (miền nhiệm ngày 19/04/2022)

Ông Trần Anh Kha

Phó Tổng Giám đốc

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tính hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Anh Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

Ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2023-137-1

Ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hàng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tài ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100	2.481.005.976,701	3.330.819.320,100	VND
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	5.1	19.273.700,967	7.721.552.496
1. Tiền		111		5.273.700,967	3.721.552.496
2. Các khoản tương đương tiền		112		14.000.000,000	4.000.000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	5.2	32.000.000,000	5.000.000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		32.000.000,000	5.000.000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		2.361.935.955,676	3.249.150.671,892
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	5.3	1.741.103.622,979	2.407.935.326,427
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	5.5	41.245.375,880	41.391.304,993
3. Phải thu ngắn hạn khác		136	5.4	654.768.761,457	850.194.008,674
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	5.6	(75.181.804,640)	(50.369.968,202)
IV. Hàng tồn kho		140	5.7	41.179,224,742	44.287,102,618
1. Hàng tồn kho		141		48.173,453,747	46.059,409,580
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(6.994,229,005)	(1.772,306,962)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		26.617,095,316	24.659,993,094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	5.8	136.308,229	143.783,627
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		25.978,093,484	24.516,209,467
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		153	5.9	502.693,603	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.104,524,606,700	1.008,114,245,268
(200 = 210+220+230+ 240+250+260)					
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		7.027,000,000	7.027,000,000
1. Phải thu dài hạn khác		216	5.4	7.027,000,000	7.027,000,000
II. Tài sản cố định		220		23.029,820,689	27.121,192,314
1. Tài sản cố định hữu hình		221	5.10	21.073,338,579	25.066,768,948
- Nguyên giá		222		101.072,160,927	98.858,119,880
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(79.998,822,348)	(73.791,350,932)
2. Tài sản cố định vô hình		227	5.11	1.956,482,110	2.054,423,366
- Nguyên giá		228		3.915,426,876	3.915,426,876
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(1.958,944,766)	(1.861,003,510)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		424,269,077,144	314,455,811,007
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	5.12	424,269,077,144	314,455,811,007
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	5.2	585,560,165,717	592,075,703,004
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		364,109,145,060	364,109,145,060
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		222,411,436,800	227,966,557,944
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254		(960,416,143)	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		64,638,543,150	67,434,538,943
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	5.8	64,638,543,150	67,434,538,943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		3.585,530,583,401	4,338,933,565,368
(270 = 100+200)					

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	VND	01/01/2022	VND	31/12/2022
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		955.256.266.259	1.756.167.467.081		
I. Nợ ngắn hạn	310		826.672.280.023	1.315.847.428.530		
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	652.127.325.861	1.273.028.661.889		
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	31.687.865.318	26.402.991.910		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	6.851.202.858	2.737.713.509		
4. Phải trả người lao động	314		831.585.800	595.733.464		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	17.934.646.637	9.016.113.338		
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	83.959.362.557	-		
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	235.770.970	240.103.381		
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	29.218.408.983	-		
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.826.111.039	3.826.111.039		
II. Nợ dài hạn	330		128.583.986.236	440.320.038.551		
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	81.693.664.658	324.522.190.175		
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	46.890.321.578	115.797.848.376		
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		2.630.274.317.142	2.582.766.098.287		
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	2.630.274.317.142	2.582.766.098.287		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.422.939.000.000	1.422.939.000.000		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.422.939.000.000	1.422.939.000.000		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.063.991.250.000	1.063.991.250.000		
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.344.067.142	95.835.848.287		
LNST chưa phân phối lũy kế	421a		96.251.352.795	66.181.562.623		
LNST chưa phân phối kỳ trước	421b		47.092.714.347	29.654.285.664		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.585.530.583.401	4.338.933.565.368		

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Người lập biểu
Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Linh

Người lập biểu
Nguyễn Thị Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.129.866.869.092	2.710.008.119.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.721.491.486	147.019.150
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.127.145.377.606	2.709.861.100.140
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.116.711.021.471	2.668.059.404.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.434.356.135	41.801.695.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	143.315.016.013	110.272.193.414
7. Chi phí tài chính	22	6.5	33.892.154.122	57.476.179.341
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	10.102.156.161
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	9.562.794.277	11.290.119.327
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	51.552.189.619	52.714.836.851
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		58.742.234.130	30.592.753.455
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.262.301.231	82.554.629
12. Chi phí khác	32	6.7	8.511.626.136	605.517.912
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(7.249.324.905)	(522.963.283)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		51.492.909.225	30.069.790.172
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.400.194.878	415.504.508
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		47.092.714.347	29.654.285.664
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9		284

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU		MS TM	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			VND	VND
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			51.492.909.225	30.069.790.172
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		02	6.305.412.672	6.874.925.013
- Các khoản dự phòng		03	30.994.174.624	21.042.633.826
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		04	(7.485.944)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		05	(71.992.255.173)	(70.619.192.622)
- Chi phí lãi vay		06	-	10.102.156.161
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	16.792.755.404	(2.529.687.450)
- Tăng, giảm các khoản phải thu (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11	(785.329.899.694)	28.156.265.333
- Tăng, giảm chi phí trả trước		12	2.803.471.191	23.233.244.541
- Tiền lãi vay đã trả		14	-	(10.294.534.243)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		20	157.218.789.181	(1.729.968.671.963)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		21	(112.027.307.184)	(108.709.670.219)
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		24	(27.000.000.000)	8.240.087.929
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27	33.049.784.289	37.718.297.980
2. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		30	(105.977.522.895)	(62.751.284.310)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		31	-	1.773.930.250.000
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		33	29.218.408.983	75.909.621.422
1. Tiền thu từ đi vay		34	(68.907.526.798)	(129.440.000.000)
2. Tiền trả nợ gốc vay		40	(39.689.117.815)	1.720.399.871.422
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		50	11.552.148.471	(72.320.084.851)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		60	7.721.552.496	80.041.637.347
- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		70	19.273.700.967	7.721.552.496
- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)		70	5.1	5.1

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, nông sản. Ngày 04/01/2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 713.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười ba tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là 1.422.939.000.000 đồng (Một nghìn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tòa nhà Vinafor, 127 Lô Đúc, Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 155 người (tài ngày 31/12/2021 là 175 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác từ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, và Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh hàng hóa nông sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty liên kết				
1	Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN	22,64	22,64	Sản xuất vỏ hộp
2	Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	36,10	36,10	Đầu tư
3	Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng	36,00	36,00	Xây dựng, vật liệu
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanetower	32,36	32,36	Sản xuất, Kinh doanh nước giải khát
Các đơn vị trực thuộc				
1.	Công ty Giồng Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP			
2.	Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco			

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM
Kỷ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo bảng bày trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chỉnh sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Bảo cảo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Bảo cảo tài chính tổng hợp

Bảo cảo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Bảng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Bảo cảo tài chính tổng hợp. Bảo cảo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Bảo cảo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị với nhau đã được loại trừ khi trình bày Bảo cảo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Bảo cảo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Bảo cảo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Bảo cảo tài chính tổng hợp

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội tại ngày 31/12/2022.

- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Bảo cảo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm từ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là:

• Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 33 năm.

• Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Tổng Công ty đã đánh giá lại giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao để có phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, thời điểm trích khấu hao của các Tài sản cố định được đánh giá lại là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành Công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 1 đến 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 23 đến 38 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty bao gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phải mua lại tài sản một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoài trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm, Tổng Công ty phát sinh lãi vay vốn hóa cho dự án "Xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại" - Số 02 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Theo Hợp đồng vay số KHI-200166/HĐCVDABT/VEGETEXCO ngày 22/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SB01 - BDCVDABT ngày 23/10/2020. Trong năm 2022, có 8.719.212.098 đồng (Năm 2021: 7.789.796.002 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào chi phí Xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước theo hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá nông sản.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không dùng quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết và lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân giữa quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Bảo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh rau quả, nông sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	158.784.516	198.465.463
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.114.916.451	3.523.087.033
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	19.273.700.967	7.721.552.496

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên, lãi suất 6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Ngân hàng	32.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	32.000.000.000	5.000.000.000
(*) Khoản tiền gửi kỳ hạn cuối kỳ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 9,3%/năm đến 9,5%/năm.	32.000.000.000	5.000.000.000

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022				01/01/2022			
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	364.109.145.060	(*)	(960.416.143)		364.109.145.060	(*)		
Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN	27.719.562.751		-		27.719.562.751		-	
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	280.356.698.900		-		280.356.698.900		-	
Công ty CP XD và Sản xuất Vật liệu xây dựng.	1.155.755.413		(960.416.143)		1.155.755.413		-	
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	54.877.127.996		-		54.877.127.996		-	
		31/12/2022				01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác	222.411.436.800	(*)	-		227.966.557.944	(*)	-	
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	80.421.436.800		-		80.421.436.800		-	
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông lâm sản Chế biến (i)	-		-		2.430.117.352		-	
Công ty Rau quả tiên Giang (i)	-		-		3.125.003.792		-	
Công ty CP Xuất nhập khẩu hạt điều và Nông sản thực phẩm TP HCM	42.000.000.000		-		42.000.000.000		-	
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP (VIGECAM)	99.990.000.000		-		99.990.000.000		-	
Tổng	586.520.581.860		(960.416.143)		592.075.703.004		-	

(*) Các khoản đầu tư của Tổng Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị hợp lý, Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi sổ.

(i) Theo Nghị quyết số 07/NQ-HDQT ngày 26/04/2022, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Rau quả Tiên Giang; theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HDQT ngày 07/11/2022, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Xuất nhập khẩu nông lâm sản chế biến.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu của khách hàng

31/12/2022		01/01/2022	
VND		VND	
1.741.103.622.979		2.407.935.326.427	
81.719.535.404		699.545.304.404	
490.379.181.125		557.379.181.125	
110.384.417.340		450.382.445.740	
76.065.279.010		628.431.279.010	
229.181.025.190		-	
480.624.764.990		-	
190.712.373.410		-	
36.742.729.240		72.197.116.148	
45.294.317.270			
1.741.103.622.979		2.407.935.326.427	

Phải thu của khách hàng ngắn hạn		Tổng	
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	81.719.535.404	Công ty CP XNK Lương Thực Nam Việt	45.294.317.270
Công ty CP Nông sản BIVC Quốc tế	490.379.181.125	Công ty CP DT và KD Nông Sản NEWFEED	190.712.373.410
Công ty CP xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	110.384.417.340	Pharm Thành Phát	480.624.764.990
Công ty CP kinh doanh và thương mại Thịnh Phát	76.065.279.010	Công ty TNHH Đầu tư và Cung Ứng Thực	229.181.025.190
Công ty CP XNK và KD Trường Thành	229.181.025.190		

5.4 Phải thu khác

31/12/2022		01/01/2022	
Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
Dư phòng		Dư phòng	
Ngắn hạn			
Tạm ứng	654.768.761.457	850.194.008.674	(4.836.866.632)
Ký cược, ký quỹ	-	22.000.000	-
Phải thu khác	635.578.385.503	833.447.943.267	-
Phải thu theo hợp	-	-	-
đồng hợp tác kinh	566.696.608.451	784.280.711.050	-
doanh với các cá nhân	-	-	-
(i)	-	-	-
Công ty CP XNK thu	34.120.957.154	20.808.281.563	-
công nghệ (ii)	-	-	-
Công ty CP Kinh	-	-	-
doanh và TM	32.678.259.267	28.358.950.654	-
Thịnh Phát (ii)	-	-	-
Hợp đồng dự trữ quốc	2.082.560.631	-	-
giữa	-	-	-
Các khoản khác	9.736.208.158	12.503.567.322	(4.836.866.632)
Dài hạn	7.027.000.000	7.027.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	7.007.000.000	7.007.000.000	-
Các khoản khác	20.000.000	20.000.000	-
Tổng	661.795.761.457	857.221.008.674	(4.836.866.632)

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.4 Phải thu khác (Tiếp theo)

- (i) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân Theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần góp vốn để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Thời gian hợp tác là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tổng Công ty đã ký thanh lý các hợp đồng hợp tác với các cá nhân này vào ngày 31/12/2022 theo đó số tiền gốc sẽ được thu hồi vào 31/3/2023.
- (ii) Khoản phải thu lãi tiền hàng chậm trả.

5.5 Trả trước cho người bán

Trả trước người bán ngắn hạn

Gomes & Gomes, S.A

Đổi tương khác

Tổng

5.6 Nợ xấu

31/12/2022	01/01/2022
VND	VND
41.245.375.880	41.391.304.993
4.365.126.819	4.511.055.932
36.880.249.061	36.880.249.061
41.245.375.880	41.391.304.993
41.391.304.993	41.391.304.993

Đơn vị tính: VND

31/12/2022	01/01/2022
Gia gốc	Gia trị
có thể thu hồi	có thể thu hồi
Gia gốc	Gia trị

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

75.529.640.498	347.835.858	75.457.591.353	25.087.623.151
3.090.156.502	347.835.858	3.090.156.502	347.835.858
72.049.145	-	-	-
27.351.425.149	-	27.351.425.149	13.675.712.575
36.880.249.061	-	36.880.249.061	11.064.074.718
478.336.693	-	478.336.693	-
572.549.294	-	572.549.294	-
1.370.244.949	-	1.370.244.949	-
479.948.299	-	479.948.299	-
898.008.849	-	898.008.849	-
588.012.703	-	588.012.703	-
3.748.659.854	-	3.748.659.854	-
75.529.640.498	347.835.858	75.457.591.353	25.087.623.151

Chesapeake Imports LLC
Công ty TNHH
Nhà máy chế biến thực phẩm xuất khẩu
Bắc Giang
Công ty TNHH Hương Anh
Công ty liên doanh LUYECO
Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Hưng Yên
Công ty TNHH Việt Nga
GOMES & GOMES, S.A
Công ty CP điều và maccadamia Tốt nhất
Phạm Hòa Bình
Đổi tương khác
Tổng

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022	01/01/2022
Hàng mua đang đi	-	4.869.674.880
tên đường	-	19.791.955.728
Nguyên liệu, vật liệu	3.318.523.444	1.302.781.349
Công cụ, dụng cụ	1.326.975.005	168.917.856
Chi phí sản xuất	4.600.864.597	-
kinh doanh dở dang	-	612.810.300
Thành phẩm	17.299.305.652	-
Hàng hoá	21.627.785.049	19.313.269.467
Tổng	48.173.453.747	46.059.409.580
	(6.994.229.005)	(1.772.306.962)

Đơn vị tính: VND

5.8 Chi phí trả trước

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 6.818.786.007 đồng và hoàn nhập dự phòng 1.596.863.965 đồng do đã bán được hàng.

	31/12/2022	01/01/2022
Ngân hàn	136.308.229	143.783.627
Chi phí thuê văn phòng	131.276.956	130.410.718
Chi phí ngân hàn khác	5.031.273	13.372.909
Dãi hàn	64.638.543.150	67.434.538.943
Tiền thuê đất (*)	63.568.274.408	66.440.709.749
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	511.679.168	498.767.027
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	558.589.574	495.062.167
Tổng	64.774.851.379	67.578.322.570

(*) Tổng Công ty trả trước tiền thuê đất trả tiền một lần cho các thửa đất mà Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng tại Quyền sử dụng đất ở KCN Vĩnh Lộc, Hồ Chí Minh; Kho Thường Tín, xã Liên Phương Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Phải nộp	01/01/2022	trong năm	Số phải nộp	31/12/2022	trong năm	Số đã thu	31/12/2022	Phải thu	01/01/2022	trong năm	Số phải thu	31/12/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.737.713.509	9.878.250.386	4.400.194.878	415.504.508	415.504.508	709.699.633	216.239.597	Thuế thu nhập cá nhân	87.440.618	838.498.612	761.588.462	-
Thuế thu nhập đất	-	-	761.588.462	-	761.588.462	3.871.968.434	2.234.768.383	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.234.768.383	3.871.968.434	6.000.000	-
Các loại thuế khác	2.234.768.383	3.871.968.434	6.000.000	-	-	6.000.000	-	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.000.000	-
Thuế GTGT nộp thừa	-	512.366.499	12.358.273	-	9.672.896	502.693.603	12.358.273	Thuế TNĐN nộp hoạt động	-	467.906.598	-	467.906.598
Kinh doanh Bất động sản	-	467.906.598	-	-	-	-	-	Thuế TNCN nộp thừa	-	32.101.628	9.672.896	22.428.732

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Đơn vị tính: VND	
											Tổng	
Số dư tại 01/01/2022	65.949.970.678	25.739.942.794	5.393.648.216	1.190.919.373	583.638.819	98.858.119.880						
Tăng trong năm	1.175.041.047	1.039.000.000	-	-	-	2.214.041.047						
Mua trong năm	1.175.041.047	1.039.000.000	-	-	-	2.214.041.047						
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-						
Số dư tại 31/12/2022	67.125.011.725	26.778.942.794	5.393.648.216	1.190.919.373	583.638.819	101.072.160.927						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư tại 01/01/2022	52.104.549.378	15.580.949.403	4.968.209.569	962.510.073	175.132.509	73.791.350.932						
Tăng trong năm	3.055.309.270	2.702.072.590	221.127.029	209.181.831	19.780.696	6.207.471.416						
Khấu hao trong năm	3.055.309.270	2.702.072.590	221.127.029	209.181.831	19.780.696	6.207.471.416						
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-						
Số dư tại 31/12/2022	55.159.858.648	18.283.021.993	5.189.336.598	1.171.691.904	194.913.205	79.998.822.348						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư tại 01/01/2022	13.845.421.300	10.158.993.391	425.438.647	228.409.300	408.506.310	25.066.768.948						
Số dư tại 31/12/2022	11.965.153.077	8.495.920.801	204.311.618	19.227.469	388.725.614	21.073.338.579						

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 3.167.240.925 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.418.141.125 đồng).
Tổng Công ty đã đánh giá lại giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Tổng Công ty tính lại thời gian khấu hao từ thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành Công ty Cổ phần.

TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	652.127.325.861	652.127.325.861	1.273.028.661.889	1.273.028.661.889
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ Biển Ngà	379.984.405.260	379.984.405.260	440.565.546.960	440.565.546.960
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp - CTCF	162.834.816.322	162.834.816.322	787.079.443.322	787.079.443.322
Đối tượng khác	64.842.953.640	64.842.953.640	-	-
	44.465.150.639	44.465.150.639	45.383.671.607	45.383.671.607
Tổng	652.127.325.861	652.127.325.861	1.273.028.661.889	1.273.028.661.889
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>25.547.682.922</i>	<i>25.547.682.922</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>				

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
<i>Vay bên thứ 3 (i)</i>						
	29.218.408.983	29.218.408.983	29.218.408.983	-	-	-
	29.218.408.983	29.218.408.983	29.218.408.983	-	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng Vietcombank (ii)	46.890.321.578	46.890.321.578	-	68.907.526.798	115.797.848.376	115.797.848.376
	46.890.321.578	46.890.321.578	-	68.907.526.798	115.797.848.376	115.797.848.376
Tổng	76.108.730.561	76.108.730.561	29.218.408.983	68.907.526.798	115.797.848.376	115.797.848.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.1.4 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Đây là khoản vay có thời hạn từ 05 tháng đến 12 tháng lãi suất 9 % và không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Vietcombank - Chi nhánh Sở Giao dịch (Chi nhánh đầu mối), Vietcombank - CN Thăng Long, Vietcombank - CN Nam Hà Nội theo Hợp đồng vay số KH1-200166/HDCVDADT/VEGETEXCO ngày 22/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SD01 - ĐCVDADT ngày 23/10/2020. Hạn mức tín dụng: 650.000.000.000 đồng. Mục đích tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch, thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân/cấp tín dụng đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cầm cố thế chấp là:
- Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200166/KH1/HDTC/QSD/VEGETEXCO ngày 22/09/2020. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tài thừa đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội; các tài sản gắn liền với đất. Giá trị quyền sử dụng đất thế chấp là: 160.449.000.000 đồng. Theo biên bản định giá lại tài sản đảm bảo năm 2022 của Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sở Giao dịch ngày 22/09/2022 giá trị quyền sử dụng đất thế chấp là: 161.697.462.000 đồng.
- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01-2020/MMTB/VEG ngày 22/09/2020. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác hình thành trong tương lai thuộc dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch" thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Giá trị máy móc thiết bị thế chấp là: 101.637.000.000 đồng. Theo biên bản định giá lại tài sản đảm bảo năm 2022 của Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sở Giao dịch ngày 22/09/2022 giá trị tài sản thế chấp là: 101.637.000.000 đồng.
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản hình thành từ dự án số 01-2020/QTS/VEG ngày 22/09/2020. Tài sản bảo đảm là tất cả các quyền tài sản hình thành từ dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch", bao gồm nhưng không giới hạn bởi quyền thu tiền bán các căn hộ chung cư của Dự án, quyền thu tiền từ cho thuê diện tích sân kinh doanh dịch vụ thương mại và các dịch vụ khác, quyền thụ hưởng các hợp đồng bảo hiểm và quyền thu tiền đối với các khoản lợi thu được từ kinh doanh khai thác dự án. Giá trị tài sản đảm bảo là: 01 đồng. Theo biên bản định giá lại tài sản đảm bảo năm 2022 của Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sở Giao dịch ngày 22/09/2022 giá trị Tài sản bảo đảm là tất cả các quyền tài sản hình thành từ dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch" là: 582.906.592.000 đồng

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
Ngân hàng	31.687.865.318	26.402.991.910
Công ty WILSON	-	100.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Việt Phi	28.884.501.662	26.000.000.000
Đổi tương khác	2.803.363.656	302.991.910
Tổng	31.687.865.318	26.402.991.910

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
Ngân hàng	17.934.646.637	9.016.113.338
Chi phí lãi vay phải trả	784.931.137	1.737.007.604
Chi phí mua hàng	18.465.000	347.971.000
Lãi chậm trả tiền hàng	16.859.837.500	6.860.837.500
Chi phí khác	271.413.000	70.297.234
Tổng	17.934.646.637	9.016.113.338

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022	01/01/2022
Ngân hàng	83.959.362.557	VND
Thu tiền theo tiến độ dự án số 2 Phạm Ngọc Thạch	83.959.362.557	-
Tổng	83.959.362.557	-

5.18 Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
Ngân hàng	235.770.970	VND
Kinh phí công đoàn	96.783.720	62.601.520
Bảo hiểm xã hội;	-	2.301.835
Các khoản phải trả khác	138.987.250	175.200.026

Dải hạn	81.693.664.658	324.522.190.175
Ông Chu Văn Dũng (1)	25.594.173.889	24.146.907.346
Ông Nguyễn Toàn Thắng (2)	385.160.113	24.099.599.247
Ông Nguyễn Hồng Quang (3)	48.749.561.129	269.294.802.055
Công ty CP Tân Mai (4)	1.992.382.862	1.992.382.862
Công ty CP và TM đầu tư TIC Hà Nội (4)	4.609.710.516	4.609.710.516
Công ty Bao bì và Xuất Nhập Khẩu (4)	281.966.999	281.966.999
Cổ tức năm 2016	35.132.900	35.132.900
Cổ tức năm 2017	45.576.250	61.688.250
Tổng	81.929.435.628	324.762.293.556

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Phải trả khác (Tiếp theo)

- (1) Khoản phải trả dài hạn về chia lợi nhuận hợp tác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2302/2018/HTKD/TDT-VEG giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Ông Chu Văn Dũng ngày 23 tháng 02 năm 2018. Tổng Công ty đã ký thanh lý hợp đồng với ông Ông Chu Văn Dũng vào ngày 10/02/2023.
- (2) Khoản phải trả dài hạn về chia lợi nhuận hợp tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2018/HTKD/TR-NTT giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Ông Nguyễn Toàn Thắng ngày 28 tháng 02 năm 2018. Tổng Công ty đã ký thanh lý hợp đồng với Ông Nguyễn Toàn Thắng vào ngày 30/12/2022.
- (3) Khoản phải trả dài hạn về chia lợi nhuận hợp tác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0311/2020/HTKD/NHQ-VEG ngày 03/11/2020 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0312/2020/HTKD/NHQ-VEG ngày 03/12/2020 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và ông Nguyễn Hồng Quang. Tổng Công ty đã ký thanh lý hai hợp đồng với ông Nguyễn Hồng Quang vào ngày 16/01/2023.
- (4) Khoản phải trả lãi chậm trả tiền hàng theo các hợp đồng mua hàng với lãi suất 10,5%/năm trên số dư nợ thực tế chưa thanh toán.

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND			
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Số dư tại 01/01/2021	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	66.181.562.623
Tăng trong năm	-	-	29.654.285.664
Lãi trong năm trước	-	-	29.654.285.664
Số dư tại 31/12/2021	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	95.835.848.287
Số dư tại 01/01/2022	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	95.835.848.287
Tăng trong năm nay	-	-	47.508.218.855
Lãi trong năm nay	-	-	47.092.714.347
Tăng khác (*)	-	-	415.504.508
Số dư tại 31/12/2022	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	143.344.067.142

(*) Tăng Lợi nhuận sau thuế do được giảm thuế TNDN phải nộp theo Quyết định số 37120/QĐ-CTHN-TTKT7-XPVPHC ngày 29/7/2022 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
VND	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn T&T	574.016.180.000	574.016.180.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	106.950.000.000	106.950.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	349.370.000.000	349.370.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không Việt Nam	-	108.238.000.000
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	174.353.820.000	174.353.820.000
Nguyễn Phú Quân	106.950.000.000	106.950.000.000
Cổ đông khác	111.299.000.000	3.061.000.000
Tổng	1.422.939.000.000	1.422.939.000.000

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	1.422.939.000.000	1.422.939.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	1.422.939.000.000	1.422.939.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	142.293.900	142.293.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	142.293.900	142.293.900
Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	142.293.900	142.293.900
Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

31/12/2022	Cổ phiếu	01/01/2022	Cổ phiếu
142.293.900		142.293.900	
142.293.900		142.293.900	
142.293.900		142.293.900	
142.293.900		142.293.900	
142.293.900		142.293.900	
142.293.900		142.293.900	
10.000		10.000	

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
1.129.866.869.092	2.710.008.119.290
1.129.866.869.092	2.710.008.119.290
Tổng	
1.129.866.869.092	2.710.008.119.290

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
498.498.160	41.277.150
2.222.993.326	105.742.000
2.721.491.486	147.019.150
Tổng	
2.721.491.486	147.019.150

Chiết khấu thương mại
Hàng bán bị trả lại

**TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.3 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
1.111.489.099.428	2.668.784.347.671
5.221.922.043	(724.943.091)
1.116.711.021.471	2.668.059.404.580

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
Cổ tức lợi nhuận được chia
Doanh thu hoạt động tài chính khác

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
34.364.050.884	37.718.297.980
1.101.008.991	435.301.258
7.485.944	-
37.628.204.289	32.900.894.642
70.214.265.905	39.217.699.534
143.315.016.013	110.272.193.414

6.5 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
Chi phí hoạt động tài chính khác

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
-	10.102.156.161
622.408.140	776.099.291
9.999.000.000	13.744.897.877
23.270.745.982	32.853.026.012
33.892.154.122	57.476.179.341

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
Chi phí nhân viên	14.127.256.364
Chi phí vật liệu	867.791.957
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.984.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.059.306.378
Thuế, phí và lệ phí	3.955.249.921
Chi phí dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)	25.772.252.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.975.764.444
Chi phí bằng tiền khác	3.641.583.555
Chi phí bán hàng	9.562.794.277
Chi phí nhân viên	5.203.225.831
Chi phí vật liệu	4.595.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	565.900.550
Chi phí khấu hao	1.048.636.559
Thuế, phí, lệ phí	168.572.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.541.117.858
Chi phí khác bằng tiền	30.745.698
Thu nhập khác/Chi phí khác	38.030.697

6.7 Thu nhập khác/Chi phí khác

Năm 2022	Năm 2021
VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-
Chi phí khấu hao hàng DTQG được hỗ trợ từ NSNN	657.390.399
Chênh lệch giá trị hàng bán bị trả lại	403.012.350
Thu nhập khác	201.898.482
Tổng	1.262.301.231
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	334.072.969
Các khoản bị phạt	7.933.663.682
Chi phí khác	243.889.485
Tổng	8.511.626.136
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(7.249.324.905)
	(522.963.283)

TỔNG CÔNG TY RÀU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận trước thuế
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế
Chi phí không được trừ
Các khoản điều chỉnh giảm
Lỗi năm trước chuyển sang
Cổ tức nhận được
Thu nhập tính thuế
Thuế suất thuế TNDN
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

TỔNG	
Năm 2022	Năm 2021
51.492.909,225	30.069.790,172
9.569.194,932	4.908.627,011
9.569.194,932	-
1.432.925,479	-
1.432.925,479	32.900.894,642
37.628.204,289	2.077.522,541
22.000.974,389	20%
20%	415.504,508
4.400.194,878	415.504,508
4.400.194,878	415.504,508

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

TỔNG	
Năm 2022	Năm 2021
279.419,581	19.361.392,732
872.386,957	2.238.086,338
19.330.482,195	21.767,576,917
4.262.006,958	7.540.847,243
30.994,174,623	12.817,633,367
4.516,882,302	64.004,956,178
8.515,036,924	68.490,969,959

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Thông tin tài chính khác

Theo biên bản làm việc Ngày 15/12/2020 giữa Cục thuế Thành phố Hà Nội và Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty Cổ phần, Tổng Công ty được điều chỉnh giám số thuế TNDN truy thu qua kiểm tra và số tiền chậm nộp tương ứng do xác định lại chi phí lãi vay được trừ theo quy định tại Điều 1 Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020, Số thuế TNDN truy thu điều chỉnh giám: 11.852.996.275 đồng, tiền chậm nộp điều chỉnh giám tương ứng: 1.891.738.205 đồng. Toàn bộ số thuế điều chỉnh giám này đã được bù trừ với số thuế phải nộp theo Quyết định số 37120/QĐ-CTHN-TTKT7-XPVPHC ngày 29/7/2022 và Quyết định số 39632/QĐ-CTHN-TTKT7-XPVPHC ngày 11/08/2022 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTRCP (VIGECAM)
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng.
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower
Công ty CP BDS T&T Homes
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T
Công ty CP Cảng Quảng Ninh
Nguyễn Phú Quân

Mối quan hệ
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Cùng nhà đầu tư lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Tổng Công ty trong năm (chỉ tiết tại báo cáo Ban Tổng Giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng Quản trị	Thủ lao		720.000.000	775.555.555
Mai Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	Thủ lao	240.000.000	251.111.111
Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT	Thủ lao	120.000.000	131.111.111
Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	Thủ lao	120.000.000	131.111.111
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	Thủ lao	120.000.000	142.222.222
Lê Anh Dũng	Thành viên HĐQT	Thủ lao	120.000.000	120.000.000
Ban kiểm soát	Kiểm TGD	Thủ lao	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát	Thủ lao	120.000.000	120.000.000
Đinh Thị Hào	Thành viên	Thủ lao	60.000.000	60.000.000
Trần Văn Quỳnh	Thành viên	Thủ lao	60.000.000	60.000.000
Ban Giám đốc	Thành viên HĐQT	Lương	695.555.556	677.777.778
Lê Anh Dũng	Kiểm TGD	Lương	695.555.556	677.777.778
Tổng			1.655.555.556	1.693.333.333

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức được chia			37.628.204.289	30.871.838.871
Công ty CP XNK Nông lâm sản Chế Biến	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.578.420.000	-
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	22.483.072.934	22.850.354.670
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	5.412.827.355	3.858.370.201
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.163.884.000	4.163.114.000
Tổng công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	990.000.000	-
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
mua hàng			23.994.603.334	-
Công ty CP BDS T&T Homes	Cùng nhà đầu tư lớn	Dịch vụ tư vấn và môi giới BDS	23.994.603.334	-

**TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
Phải trả người bán			VND 25.547.682.922	VND -
Công ty Cổ phần bất động sản T&T HOMES	Cùng nhà dầu tư lớn	Dịch vụ tư vấn và môi giới BDS	25.547.682.922	-

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Bảo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được
kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội ngày 15 tháng 02 năm 2023



Người lập biên
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Linh

Người lập biên
Nguyễn Thị Linh